TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2021/QĐST - DS	*Gia Viễn, ngày 27 tháng 9 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 434, 440 Bộ luật Dân sự; các khoản 2, 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2021 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 08/2021/TLST- DS, ngày 02 tháng 8 năm 2021.

XÉT THẤY

Thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2021 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bẩy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đàm Thị Ch sinh năm 1981.

Trú tại: phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh N.

Bị đơn: Vợ chồng anh Đinh Văn S, sinh năm 1991, chị Trần Thị T, sinh năm 1988.

Đều trú tại: thôn T, xã G, huyện G, tỉnh N.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nội dung: từ ngày 10/01/2019 đến 26/54/2019 vợ chồng anh Đinh Văn S, chị Trần Thị T mua thức ăn chăn nuôi của chị Đàm Thị Ch với tổng số tiền là 241.968.000 đồng. Anh S, chị T đã thanh toán tiền mua thức ăn chăn nuôi cho chị Ch số tiền là 130.000.000 đồng, còn nợ chị Ch số tiền là 111.968.000 đồng (*một trăm mười một triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

2.2. Về trách nhiệm trả nợ:

Anh Đinh Văn S, chị Trần Thị T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền 111.968.000 đồng (*một trăm mười một triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) cho chị Đàm Thị Ch.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.3. ***Về án phí:*** Anh Đinh Văn S, chị Trần Thị T phải nộp số tiền 2.799.000 đồng (*hai triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Đàm Thị Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.800.000 đồng (*hai triệu tám trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2019/0000326, ngày 26 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N (01 bản);
- VKSND huyện G (02 bản);
- Chi cục THADS huyện G (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu HS, VP (01 bản).

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Q